

✓ LỢI ÍCH KINH TẾ CỦA TRI THỨC DÂN GIAN NGƯỜI DAO TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH VÀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

TRẦN HỒNG THU¹

Đầu

Tri thức dân gian (còn được gọi là tri thức địa phương, tri thức tộc người, tri thức bản địa) là các kiến thức về sản xuất và sinh hoạt của các cộng đồng tộc người, có tính thích ứng cao với điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội và văn hóa của địa phương và từng tộc người. Các kiến thức này được hình thành, tích lũy và hoàn thiện từ quá trình lao động sản xuất của toàn cộng đồng và được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác (Hoàng Xuân Tý và cộng sự, 1998; Trần Hồng Hạnh, 2005). Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, mặc dù còn một số hạn chế như tính địa phương cao, khó phổ cập rộng rãi, hoặc một số tri thức đã không còn phù hợp với hoàn cảnh xã hội và điều kiện môi trường hiện đại, nhưng các tri thức dân gian có giá trị cao trong việc xây dựng các mô hình phát triển nông thôn bền vững do có hiệu quả cao, phù hợp với địa phương và phù hợp với văn hóa tộc người (Hoàng Xuân Tý và cộng sự, 1998).

Cũng như nhiều tộc người sinh sống ở vùng cao miền núi, dân tộc Dao tích lũy

được nhiều kinh nghiệm trong sản xuất phù hợp với điều kiện khắc nghiệt của vùng và những kinh nghiệm này đã có nhiều đóng góp vào việc phát triển kinh tế hộ gia đình, đảm bảo an ninh lương thực và xóa đói giảm nghèo (Trần Hồng Hạnh, 2006, 2009). Tuy nhiên, do điều kiện đặc thù của vùng cao là địa hình phức tạp, khí hậu khắc nghiệt, giao thông đi lại khó khăn nên kinh tế hộ gia đình của người Dao vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ đói nghèo còn cao. Mặc dù đã có nhiều chương trình phát triển kinh tế - xã hội được áp dụng trong vùng, nhưng do chưa có sự chú ý đến sử dụng các tri thức dân gian của người Dao trong các chương trình này nên các chương trình này vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn (Trần Hồng Hạnh, 2006, 2009). Nghiên cứu này được thực hiện tại các nhóm Dao Đỏ, Dao Tiền, Dao Thanh Y ở các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Kạn, Cao Bằng và Quảng Ninh² nhằm nghiên cứu

² Địa điểm nghiên cứu cụ thể như sau:

- Xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang: nhóm Dao Đỏ.
- Xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn: nhóm Dao Tiền.
- Xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: nhóm Dao Tiền.
- Xã Thái Học, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: nhóm Dao Đỏ.
- Xã Bằng Cã, huyện Hoàng Bồ, tỉnh Quảng Ninh: nhóm Dao Thanh Y.

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số IV5.3 - 2011.05.

những lợi ích của tri thức dân gian của các nhóm Dao đối với kinh tế hộ gia đình, góp phần xóa đói giảm nghèo, từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp về sử dụng vốn tri thức dân gian này vào phát triển kinh tế - xã hội ở các nhóm Dao này nói riêng, của vùng nói chung.

1. Thực trạng đói nghèo ở người Dao

Kết quả khảo sát giữa năm 2014 ở các vùng Dao được lựa chọn nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ hộ đói nghèo trong cộng đồng Dao còn rất cao. Trong tổng số 599 hộ người Dao được điều tra, có đến 46,1% hộ gia đình có giấy chứng nhận hộ nghèo; trong đó, tỷ lệ hộ nghèo cao xuất hiện ở nhóm Dao Tiền và nhóm Dao Đỏ (tỷ lệ tương ứng với hai nhóm này là 58,3% và 57,8%) và tỷ lệ này khá thấp ở nhóm Dao Thanh Y (chỉ chiếm 8,8%). Nguyên nhân khiến tỷ lệ đói nghèo ở nhóm Dao Thanh Y thấp hơn so với các nhóm Dao khác là do người Dao Thanh Y có nguồn thu nhập phụ từ làm công nhân cho mỏ than tại địa phương hoặc một than trên bãi thải của mỏ. Nếu so sánh với tỷ lệ đói nghèo chung của vùng, tỷ lệ đói nghèo của người Dao cao hơn nhiều³. Tuy nhiên, đó mới chỉ là tỷ lệ hộ được nhận giấy chứng

nhận hộ nghèo được bình xét tại các địa phương được nghiên cứu. Trên thực tế, tỷ lệ đói nghèo theo sự tự đánh giá của chính người dân còn cao hơn nhiều so với tỷ lệ được bình xét (xem Sơ đồ 1).

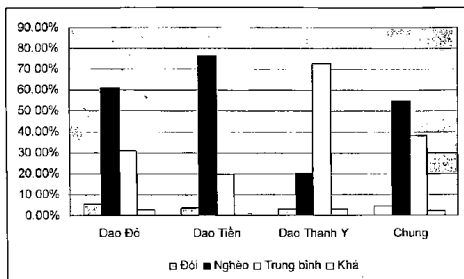
Kết quả Sơ đồ 1 cho thấy, tỷ lệ tự đánh giá nghèo cao nhất ở nhóm Dao Tiền (76,4%) và thấp nhất ở nhóm Dao Thanh Y (20,4%). Đặc biệt, vẫn còn một tỷ lệ hộ gia đình đói, cao nhất là ở nhóm Dao Đỏ. Tỷ lệ hộ gia đình thiếu lương thực trong năm 2014 là 50,9%; trong đó, nhóm Dao Đỏ có tỷ lệ thiếu lương thực cao nhất (60,4%), tiếp đến là nhóm Dao Tiền (55,8%) và thấp nhất là ở nhóm Dao Thanh Y (27,6%). Số tháng thiếu lương thực của các nhóm Dao dao động từ 1 đến 11 tháng/năm, nhưng phổ biến là thiếu lương thực khoảng 3 tháng.

Một số nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng đói nghèo của các nhóm Dao được nghiên cứu có thể kể đến như sau:

- Sự không thuận lợi của điều kiện địa hình: Nhóm Dao Đỏ và Dao Tiền cư trú ở vùng thung lũng hẹp thuộc khu vực núi cao, địa hình dốc, không có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển ruộng nước. Họ chủ yếu canh tác ruộng bậc thang và nương rẫy, do đó năng suất trồng trọt không cao. Ở nhóm Dao Thanh Y, mặc dù địa hình bằng phẳng hơn và có điều kiện để làm ruộng nước, nhưng họ cũng mới chỉ chuyển đổi từ phương thức canh tác nương rẫy truyền thống sang canh tác ruộng nước khoảng hơn 10 năm trở lại đây nên chưa tích lũy được nhiều kinh nghiệm canh tác, khiến cho thu nhập từ trồng trọt chưa cao. Núi đá vôi, địa hình có độ dốc cao là điều kiện không thuận lợi trong việc giữ nước, đất và độ màu của đất. Lượng nước mưa nhiều vào mùa hè đã

³ Theo kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2013 ban hành theo Quyết định số 529/QĐ-LĐTBXH ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tỷ lệ đói nghèo của tỉnh Tuyên Quang là 17,93%; Cao Bằng - 24,2%; Bắc Kạn - 18,55%; Quảng Ninh - 2,42%; so sánh với tỷ lệ đói nghèo của người Dao được điều tra tại Tuyên Quang là 66,4%; Cao Bằng - 49,4%; Bắc Kạn - 58,6% và Quảng Ninh - 8,8% (http://ubdl.gov.vn/wps/wcm/uploads/DuthaoVBPL/quyet_dinh529_bldttxh.pdf).

Sơ đồ 1. Thực trạng kinh tế hộ gia đình theo sự tự đánh giá của người Dao



Nguồn: Kết quả điều tra thực địa năm 2013-2014.

rửa trôi tầng đất mặt, ảnh hưởng đến độ màu mỡ của đất và lượng đất bề mặt. Tuy nhiên, lượng nước mưa này lại ít được giữ lại ở bề mặt hoặc tầng nước ngầm, dẫn đến tình trạng khô hạn vào mùa đông làm ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt và sản xuất của người Dao. Tình trạng khan hiếm nước sản xuất cũng là nguyên nhân chính của việc phần lớn diện tích lúa nước của người Dao chỉ là loại ruộng chủ động thủy lợi được một vụ hoặc ruộng chờ mưa một vụ.

Điều kiện khí hậu, thời tiết khắc nghiệt: Trừ bộ phận người Dao Thanh Y ở khu vực có điều kiện tương đối giống đồng bằng, các nhóm Dao còn lại chủ yếu ở vùng núi cao, nơi có mùa đông rất lạnh, sương muối và một số hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa đá, sạt lở đất... thường xảy ra làm ảnh hưởng đến năng suất cây trồng. Thêm vào đó, khác với các vùng Dao khác trong

địa bàn nghiên cứu, vùng người Dao Tiền ở huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn còn chịu ảnh hưởng của lũ lụt.

- Đất sản xuất thiếu và manh mún: Một hộ gia đình người Dao có diện tích ruộng nước trung bình đạt 893m², ruộng bậc thang - 348m² và đất nương rẫy - 1.762m². Như vậy, tổng diện tích đất sản xuất của một hộ gia đình chỉ đạt 3.003m², tương đương với 8,3 sào Bắc Bộ, quá thấp đối với hộ gia đình ở vùng miền núi. Trong đó, diện tích đất sản xuất trung bình của hộ người Dao Tiền là thấp nhất - 2.667m², ở người Dao Đỏ là 2.969m², và ở người Dao Thanh Y là 3.100m². 63% hộ gia đình người Dao được hỏi cho biết là họ thiếu đất sản xuất; trong đó, tỷ lệ hộ gia đình người Dao Tiền thiếu đất sản xuất là cao nhất. Ngoài ra, đất sản xuất của người Dao cũng rất manh mún, phân bố rải rác ở nhiều địa hình khác nhau.

- Thiếu vốn đầu tư: Canh tác nông nghiệp ở vùng người Dao đòi hỏi vốn đầu tư cao, thường chỉ cho các hạng mục sau: giống, công làm đất, phân bón, thuốc trừ sâu. Các gia đình neo đơn, ít lao động không thể đối công với anh em, làng xóm còn phải mất thêm chi phí thuê người cấy và gặt hái. Một vụ gieo trồng, trung bình người Dao phải chi phí khoảng 3 - 4 triệu đồng, một khoản tiền không nhỏ so với thu nhập của họ. Nhiều hộ gia đình gặp khó khăn trong việc duy trì vốn đầu tư vào sản xuất khiến thu nhập từ nông nghiệp của họ phần nào không ổn định.

Ngoài ra, còn phải kể đến một số nguyên nhân khác như thiếu lao động, mới tách hộ gia đình, bệnh tật, già cả, neo đơn, tệ nạn xã hội... Tuy nhiên, những nguyên nhân này không phổ biến trong cộng đồng người Dao.

Để phát triển kinh tế hộ gia đình và góp phần xóa đói giảm nghèo, các nhóm người Dao không còn cách nào khác là phải dựa vào vốn tri thức dân gian của tộc người mình để giảm bớt các chi phí trong sản xuất, nâng cao năng suất cây trồng và dựa vào nguồn thu nhập bổ trợ từ lâm sản và cây thuốc.

2. Đóng góp của tri thức dân gian người Dao trong sản xuất nông nghiệp

Cũng như nhiều dân tộc thiểu số sống ở vùng cao miền núi phía Bắc, người Dao sống dựa chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng trọt. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, tỷ lệ thu nhập của hộ gia đình người Dao từ trồng trọt khá cao. 50,2% hộ gia đình người Dao được hỏi cho biết thu nhập từ trồng trọt chiếm từ trên 50% đến

hơn 90% tổng thu nhập của hộ gia đình; 32,4% hộ gia đình cho biết thu nhập từ trồng trọt chiếm từ 30% đến 50% tổng thu nhập của hộ gia đình và chỉ có 17,3% số hộ gia đình cho biết thu nhập từ trồng trọt chiếm tỷ lệ dưới 30% tổng thu nhập của hộ.

Để giảm bớt các chi phí trong sản xuất nông nghiệp và tăng năng suất cây trồng, người Dao ở cả ba nhóm địa phương đã sử dụng các kiến thức của tộc người trong mở rộng diện tích canh tác, tăng chất màu cho đất, lựa chọn giống cây trồng và phương thức canh tác phù hợp với đặc điểm địa hình và chất đất của địa phương. Theo đó, tất cả các nhóm Dao được nghiên cứu đều mở rộng diện tích đất canh tác bằng cách đa dạng hóa đất canh tác. Ở những mảnh đất gần nguồn nước, ven sông, suối, họ cải tạo đất đỏ thành những mảnh ruộng nước bằng phẳng; ở những chân đồi thoải thoải và có điều kiện dẫn nước, người ta tạo ra các khu ruộng bậc thang chạy dọc theo các sườn đồi; với các địa hình dốc hơn, không có điều kiện dẫn nước, người dân canh tác nương rẫy theo kiểu dao canh hóa chúng. Sử dụng nhiều hình thức canh tác như vậy giúp cho người Dao vừa có thêm diện tích canh tác, vừa tăng năng suất cây trồng, đảm bảo an ninh lương thực cho hộ gia đình.

Bên cạnh đó, người Dao còn áp dụng nhiều kiến thức trong phân loại và đánh giá độ màu mỡ của đất thông qua việc xem xét vị trí của mảnh đất (ví dụ, đất trong rừng già thì tốt hơn đất ở trên đồi), màu đất (đất màu đen thì tốt hơn đất màu vàng và màu trắng), độ ẩm của đất (rút dao cắm xuống đất rồi rút lên, nếu đất bám ở dao thì đất đó có độ ẩm cao, tốt cho trồng trọt), sự sinh trưởng của giun (hầu hết các nhóm Dao đều cho rằng

đất có nhiều giun là đất tốt; trừ nhóm Dao Đỏ ở Phúc Sơn lại quan niệm giun sẽ ăn hết chất màu của đất)... Việc xác định được độ màu mỡ của đất giúp người Dao lựa chọn, trồng những giống cây và áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp để có được kết quả tốt. Ví dụ, đất có độ ẩm cao, chất đất tốt sẽ được ưu tiên để trồng lúa - cây lương thực chính của đồng bào; đất có chất lượng kém hơn sẽ được sử dụng để trồng ngô, sắn và các loại cây khác. Người Dao sử dụng kỹ thuật cày lật đất, cày ải đối với những vùng đất bằng phẳng để đất tơi xốp và hạn chế cỏ dại; trong khi đó, họ lại áp dụng kiểu chọc lỗ, tra hạt ở những vùng đất dốc để hạn chế sự xói mòn và bạc màu của đất. Người Dao cũng có những cách thức để tăng độ màu cho đất như sử dụng tro sau đốt nương, ủ và sử dụng phân xanh, phân chuồng để bón cho cây trồng. Thực ra, trong truyền thống, người Dao ở các vùng nghiên cứu không biết dùng phân xanh và phân chuồng để bón cho cây trồng, nhưng trong thời kỳ hợp tác xã, họ đã học tập kinh nghiệm sử dụng các loại phân này của các tộc người khác (như người Kinh, Tày...) sinh sống trên cùng địa bàn để tăng chất màu cho đất; theo thời gian, những kiến thức này đã được tích lũy và trở thành tri thức của chính họ. Hiện nay, do sự sẵn có của các loại phân hóa học trên thị trường, người Dao không còn làm phân xanh nữa. Tuy nhiên, họ vẫn sử dụng phân chuồng để tăng chất màu cho đất và kết hợp với các loại phân hóa học trong trồng trọt để cây trồng đạt được năng suất cao hơn.

Tuy đã lựa chọn đất sản xuất và cây trồng thích hợp với từng loại đất như đã nêu ở trên nhưng điều kiện tự nhiên tại địa bàn cư trú của người Dao không thuận lợi cho việc giữ độ màu của đất. Chính vì vậy,

người Dao đã sử dụng nhiều cách thức khác nhau để duy trì độ màu cho đất, hạn chế sự rửa trôi đất màu sau những trận mưa. Cụ thể là, đối với đất ruộng, người Dao giữ độ màu cho đất bằng cách đắp bờ bao xung quanh thửa ruộng. Sau khi cây bừa xong, người Dao Tiên ở Ba Bể và Dao Thanh Y ở Quảng Ninh lấy đất nhuyển trét quanh bờ ruộng để bịt các lỗ thoát nước, tránh thất thoát nước ruộng và đất màu. Trong khi đó, ở vùng người Dao Đỏ và Dao Tiên ở Cao Bằng, nơi không chủ động được nguồn nước tưới ruộng, hệ thống rãnh dẫn nước và bờ bao được xây dựng nhằm dẫn nguồn nước mưa vào ruộng được nhiều nhất và tránh thất thoát đất màu. Đối với đất nương rẫy, người Dao cũng áp dụng nhiều cách thức linh hoạt khác nhau để tránh rửa trôi đất màu như đào rãnh thoát nước chạy dọc theo các mảnh nương; trồng xen canh, luân canh nhiều loại cây trồng; hoặc sử dụng hình thức canh tác chọc lỗ, tra hạt chứ không cày lật đất như ở ruộng hoặc ở những vùng đất tương đối bằng phẳng. Tuy nhiên, dù muốn hay không, sau một thời gian dài canh tác, đất đai ngày càng trở nên khô cằn, vì vậy, năng suất cây trồng cũng thấp dần. Trước kia, người Dao thường bỏ hóa đất canh tác một vài năm để cây rừng mọc trở lại và đất đai được phục hồi độ màu mỡ. Tuy nhiên, hiện nay, do áp lực dân số, thiếu đất và đất đai đã được quản lý chặt chẽ theo quy định của Nhà nước, người Dao không thể duy trì hình thức bỏ hóa đất đai như trước đây; bù lại, họ phải tăng cường việc sử dụng phân bón để duy trì độ màu mỡ của đất.

Lựa chọn giống cây trồng phù hợp rất quan trọng trong việc nâng cao sản lượng thu hoạch. Trước kia, người Dao thường sử dụng giống địa phương có đặc tính chịu hạn

cao, chống chịu được sâu bệnh và các điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Bộ giống cây trồng này tuy thời gian canh tác dài, năng suất thấp nhưng bù lại, ít mang lại rủi ro cho người dân và chất lượng cao. Hiện nay, người Dao đã sử dụng các bộ giống cây trồng mới tuy chất lượng kém hơn giống địa phương nhưng thời gian canh tác ngắn hơn và cho năng suất cao hơn. Qua thời gian sử dụng bộ giống cây trồng mới, người Dao bắt đầu đánh giá lại bộ giống cây trồng này và chỉ lựa chọn sử dụng những giống cây trồng đạt hai tiêu chí chính là phù hợp với chất đất và năng suất cao. Ví dụ, về giống lúa, hai giống lúa mới được người Dao Tiền ở Bắc Kạn ưa thích sử dụng là giống Khang dân và bao thai. Tuy nhiên, không phải vụ mùa nào người ta cũng sử dụng hai loại giống này. Khang dân được trồng trong vụ chiêm do thời gian sinh trưởng ngắn trong khi bao thai được trồng nhiều trong vụ mùa vì thời gian sinh trưởng dài hơn. Người ta cũng không trồng kết hợp hai giống lúa này trong cùng một mùa vụ do thời gian sinh trưởng của chúng khác nhau, không thuận tiện cho việc thu hoạch, đồng thời lại kích thích chim, chuột đến phá hoại hoa màu. Hay trong canh tác ngô, người Dao Đỏ sử dụng cả hai loại giống ngô truyền thống của địa phương và giống ngô lai. Giống ngô địa phương có đặc điểm dẻo hạt, thơm ngon, chất lượng hạt dễ làm giống tốt, có thể dự trữ từ hai đến ba năm. Tuy nhiên, năng suất cây trồng thấp. Trong khi đó, giống ngô lai có lợi thế là năng suất cao nhưng hàng năm người dân không chủ động được giống, chất lượng hạt không tốt, dễ bị hư hại nếu cất trữ lâu ngày. Người Dao Đỏ canh tác cả hai loại giống này với các mục đích khác nhau: giống địa phương được dùng để ăn và bán vì ngon hơn

và có giá cao hơn trong khi giống ngô lai được dùng phổ biến cho chăn nuôi vì năng suất cao hơn nhưng không thơm ngon bằng giống địa phương.

Ngoài các loại cây trồng truyền thống như lúa, ngô, khoai, sắn, người Dao đã phát triển các loại cây trồng mới cho thu nhập khá cao như mía (người Dao Đỏ ở Tuyên Quang), bắp cải và thanh long (người Dao Đỏ ở Cao Bằng), ổi (người Dao Thanh Y ở Quảng Ninh), thuốc lá (người Dao Tiền ở Bắc Kạn)... Tuy nhiên, chỉ có bắp cải phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng, phát triển tốt và mang lại thu nhập cho người dân còn các loại cây khác chưa cho hiệu quả kinh tế như mong muốn, thậm chí gây những thiệt hại về kinh tế cho người dân như trường hợp cây thuốc lá. Người Dao Tiền ở huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn được chính quyền địa phương khuyến khích phát triển cây thuốc lá vào năm 2011. Số lượng giống cây được phát cho các hộ gia đình đăng ký với thôn, xã tùy theo diện tích của hộ gia đình đó. Thuốc lá được trồng trong thời gian 4 tháng, từ tháng 11 âm lịch của năm trước và đến khoảng tháng 3 âm lịch của năm sau. Đây là loại cây đòi hỏi công chăm sóc và số lượng phân bón chuyên biệt khá nhiều; tiền phân bón cho một vụ gieo trồng thuốc lá khoảng 3 triệu đồng. Ngoài ra, các hộ gia đình trồng thuốc lá còn phải xây lò sấy thuốc lá với giá trị xây dựng khoảng 7 - 8 triệu đồng. Sau thu hoạch, thuốc lá được sấy khô và thu mua tận nhà với hai mức giá: loại vàng khoảng 25.000 đồng/kg và loại đen khoảng 11.000 - 12.000 đồng/kg. Trung bình một hộ gia đình có thu nhập khoảng 5 - 6 triệu đồng/vụ thuốc lá; tức là, với mức thu này, họ gần như hòa vốn hoặc bị lỗ. Chính vì

vậy, sau hai năm trồng thí điểm, người Dao Tiền đã từ bỏ việc trồng cây thuốc lá; những lô sây thuốc giá trị nhiều tiền hoặc bị bỏ hoang, hoặc được chuyển đổi mục đích sử dụng: sây ngô hoặc làm nhà tắm⁴.

Người Dao sử dụng hình thức canh tác đa canh, xen canh, gối vụ trong canh tác nông nghiệp nhằm tận dụng các lợi thế của đất đai, đáp ứng nhu cầu tự cung tự cấp lương thực, thực phẩm và đảm bảo an ninh lương thực. Ví dụ, đối với ruộng nước, ngoài một hoặc hai vụ lúa chính, người ta canh tác thêm một vụ rau, màu nhằm vừa tăng thêm thu nhập cho hộ gia đình vừa cung cấp nguồn phân xanh cho đất từ các phụ phẩm của rau, màu sau thu hoạch. Hoặc trên cùng một mảnh nương, người ta trồng xen lẫn lúa với các loại cây như ngô, sắn, và một số loại cây công nghiệp khác như keo, mía... Khi các loại cây này chưa phát triển, lúa có điều kiện sinh trưởng, đến khi các loại cây này phát triển thì lúa cũng đã đến kỳ thu hoạch.

Các kiến thức, kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp được tích lũy qua thời gian đã mang lại những lợi ích trực tiếp cho các hộ gia đình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 96,6% hộ gia đình được hỏi cho biết việc áp dụng các tri thức tộc người trong canh tác nông nghiệp mang lại cho hộ gia đình năng suất cây trồng cao, góp phần phát triển kinh tế của hộ gia đình (73,1% ý kiến cho biết là đóng góp nhiều và 26,9% ý kiến cho biết là đóng góp ít). Tỷ lệ hộ gia đình người Dao Tiền nhận thấy sự đóng góp nhiều của kiến thức, kinh nghiệm tộc người vào sự phát

triển kinh tế của hộ gia đình là cao hơn so với nhóm Dao Đỏ và Dao Thanh Y. Kết quả điều tra chỉ ra rằng, các hộ khá giả nhận thấy các tri thức của tộc người đóng góp đáng kể vào kinh tế của hộ gia đình cao hơn so với các nhóm có mức sống khác; ngược lại, tỷ lệ hộ gia đình thuộc hộ đói, nghèo nhận thấy tri thức tộc người không có đóng góp cho kinh tế hộ gia đình cũng cao hơn so với nhóm kinh tế trung bình và khá giả (xem Sơ đồ 2).

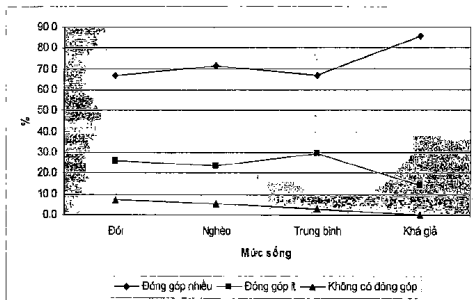
Nhóm hộ gia đình khá giả thường có diện tích đất canh tác lớn hơn, lại có điều kiện đầu tư nên năng suất cây trồng cao hơn; trong khi đó, nhóm hộ nghèo ít có vốn để chăm bón cho cây trồng nên năng suất thu được thấp hơn so với nhóm hộ khá. Chính vì vậy, một bộ phận nhóm hộ nghèo, đói cho rằng tri thức dân gian không giúp ích gì cho hoạt động kinh tế nông nghiệp của họ. Trong trường hợp người Dao Tiền ở huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, nếu như nhóm hộ nghèo, đói thường có xu hướng sử dụng các loại giống lúa có năng suất cao nhưng chất lượng không ngon thì nhóm hộ khá, bên cạnh sử dụng giống lúa năng suất cao, vẫn dành phần lớn diện tích đất canh tác để phát triển giống Quách Vương - một giống lúa địa phương cho năng suất thấp hơn nhưng chất lượng gạo tốt và có giá trị cao trên thị trường.

3. Tri thức dân gian mang lại nguồn thu nhập cho hộ gia đình thông qua hoạt động trồng rừng và khai thác tự nhiên

Khu vực sinh sống của cả ba nhóm Dao được nghiên cứu đều có điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động trồng rừng và khai thác tự nhiên. Đó là diện tích rừng rộng lớn bao quanh khu vực cư trú; ở người Dao Thanh Y, còn có một lợi thế hơn so với các nhóm Dao khác, đó là có mỏ than lớn

⁴ Tư liệu điền dã của cộng tác viên Đào Phương Anh tại cộng đồng Dao Tiền ở huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn năm 2013.

Sơ đồ 2. Đóng góp của tri thức địa phương vào canh tác nông nghiệp của hộ gia đình người Dao chia theo mức sống của hộ



Nguồn: Kết quả điều tra thực địa năm 2013-2014.

đang hoạt động. Phần lớn các diện tích rừng này đã được giao cho các hộ gia đình quản lý và bảo vệ. 77,4% hộ gia đình ở các địa bàn nghiên cứu đã được giao rừng; trong đó, tỷ lệ hộ gia đình được giao rừng ở nhóm Dao Thanh Y là cao nhất - 87,2%; tiếp đến là nhóm Dao Tiền - 84,3% và thấp nhất là ở nhóm Dao Đỏ - 69,5%. Nếu như nhóm Dao Đỏ và Dao Tiền chủ yếu được giao rừng nguyên sinh để quản lý và bảo vệ thì nhóm Dao Thanh Y chủ yếu được giao rừng sản xuất. Diện tích rừng được giao cũng có sự khác biệt giữa các nhóm Dao, phụ thuộc vào diện tích rừng hiện có trong khu vực. Nhóm Dao Tiền nhận được diện tích rừng lớn nhất, trung bình là 2,7ha/hộ; tiếp đến là nhóm Dao Thanh Y với khoảng 1,9 ha/hộ; thấp nhất là nhóm Dao Đỏ, chỉ hơn 0,5ha/hộ. Tương tự như vậy, chất lượng rừng cũng nhiều khác

biệt. Người Dao Đỏ và Dao Tiền ở Cao Bằng sinh sống dưới chân núi đá nên rừng được giao chủ yếu là rừng nghèo trên núi đá vôi, lâm sản ít; mục đích giao rừng là khoanh nuôi, bảo vệ và lấy củi. Trong khi đó, nhóm người Dao Đỏ ở Tuyên Quang, Dao Tiền ở Bắc Kạn và Dao Thanh Y ở Quảng Ninh được giao rừng trên núi đất, nơi họ có nhiều điều kiện để trồng cây lấy gỗ.

Với người Dao, rừng là nơi cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người và vật nuôi, đặc biệt trong giai đoạn thiếu đói hoặc thời điểm giáp hạt; ngoài ra, rừng còn là vườn được liệu sẵn có, được sử dụng để chữa nhiều bệnh cho con người, là nguồn thu nhập phụ quan trọng của hộ gia đình. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào rừng không giống nhau giữa các nhóm Dao. Người Dao Tiền dựa vào rừng nhiều nhất vào những

thời điểm thiếu lương thực, khi có đến 61,5% số hộ gia đình người Dao Tiền cho biết họ tìm đến rừng để thu hái các loại lâm sản, cây thuốc, mật ong, thú rừng... để bán lấy tiền mua lương thực. Các tri thức dân gian của họ về các loại lâm sản, dược liệu, tổ ong, hoạt động của động vật giúp ích nhiều cho họ trong quá trình thu hái các sản phẩm này. Tuy nhiên, việc sử dụng tri thức dân gian trong trường hợp giải quyết vấn đề lương thực trước mắt thường dẫn đến những ảnh hưởng không mong muốn cho tài nguyên rừng hơn là bảo vệ nguồn tài nguyên đó. Việc khai thác dược liệu một cách ồ ạt để bán cho các thương nhân lấy một khoản tiền nhỏ mua lương thực đã khiến cho nguồn dược liệu nơi đây trở nên khan hiếm một cách nhanh chóng. Càng ngày, người dân càng phải đi xa hơn, thời gian tìm kiếm dược liệu lâu hơn nhưng sản lượng thu hoạch lại thấp hơn. Trong điều kiện đó, một số thầy thuốc người Dao Tiền đã phải tìm và đưa về vườn nhà một số loại cây thuốc mà họ có thể trồng được. Trong khi đó, sự phụ thuộc của người Dao Đỏ và Dao Thanh Y vào rừng trong những giai đoạn thiếu lương thực thấp hơn, chỉ 18,1% ở người Dao Đỏ và 5,4% ở người Dao Thanh Y. Hai nhóm Dao này chủ yếu dựa vào nguồn thu từ việc làm thuê (ở nhóm Dao Đỏ) hoặc khai thác than (ở nhóm Dao Thanh Y) để lấy tiền bù đắp cho việc thiếu lương thực.

Ngoài dựa vào rừng trong thời điểm thiếu lương thực, người Dao còn dựa vào rừng để tăng thêm thu nhập cho hộ gia đình như khai thác gỗ ở rừng tự nhiên và rừng trồng. Những kinh nghiệm và hiểu biết về sự phân bố của các loại cây gỗ trong rừng, quá trình sinh trưởng của cây và đặc tính của các

loại gỗ đã giúp người Dao khai thác được loại gỗ cần thiết, sắp xếp thời điểm khai thác phù hợp và có cách thức vận chuyển hợp lý nhằm giảm bớt chi phí và tăng nguồn thu cho hộ gia đình. Chẳng hạn, thời điểm khai thác gỗ tốt nhất là cuối năm, khi lượng nước dự trữ trong cây hạ xuống mức thấp nhất, gỗ đạt chất lượng tốt nhất sẽ cho giá tiền cao hơn. Những khu vực giáp với sông suối thích hợp với việc trồng cây mỡ vì khi đến tuổi khai thác, gỗ mỡ nhẹ sẽ nổi trên sông, giúp cho việc vận chuyển ra đường cái được dễ dàng hơn, giảm bớt chi phí vận chuyển. Có thể nói, nguồn thu nhập từ việc khai thác gỗ từ rừng tự nhiên và rừng trồng lớn, tuy nhiên, cũng đòi hỏi chi phí lớn, những rủi ro trong quá trình khai thác và vận chuyển (đối với gỗ rừng tự nhiên) và thời gian chờ thu hoạch dài (đối với rừng trồng). Nguồn thu nhập từ khai thác gỗ tự nhiên đang giảm nhiều do sự suy kiệt tài nguyên, trong khi đó, nguồn thu nhập từ trồng rừng đang tăng lên. Chẳng hạn, trường hợp người Dao Đỏ ở Tuyên Quang, trước năm 2000, nguồn thu nhập của các hộ gia đình chủ yếu là từ việc khai thác gỗ rừng tự nhiên, đặc biệt là các loại gỗ quý như đinh, trai, nghiến... để bán cho những người Kinh ở nơi khác đến thu mua. Một mét khối gỗ như vậy mang lại thu nhập 1 triệu đồng cho người dân. Những gia đình không khai thác được gỗ thì vác gỗ thuê. Hiện nay, các loại gỗ quý đã trở nên khó kiếm, người Dao ở đây chuyển sang trồng xoan, keo, tre, vầu, cọ... trên khu đất rừng mà hộ gia đình đã được chia. Trừ các chi phí, một số hộ gia đình có thể có thu nhập từ 40 đến 50 triệu đồng nếu trồng gỗ

xoan hoặc từ 15 đến 20 triệu đồng nếu trồng cọ lấy lá⁵.

Trồng rừng cũng nằm trong chủ trương của Đảng và Nhà nước nhằm khôi phục độ che phủ của rừng và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương. Do đó, nhiều dự án trồng rừng đã được triển khai ở địa bàn của người Dao. Một số dự án không đạt được kết quả như mong muốn nhưng một số khác đã đạt được thành công nhất định. Trường hợp người Dao Tiền ở Ba Bể, trong thời gian 1998 - 1999, lâm trường Ba Bể cung cấp cho người dân ở đây giống cây keo và phân bón để họ trồng trên rừng. Sau 10 năm, lâm trường quay trở lại thu mua gỗ keo với giá 100.000 đồng/m³ gỗ; như vậy, sau khi trừ chi phí giống cây và phân bón trước đó lâm trường cung cấp thì tổng thu nhập của người dân chỉ khoảng 6 - 7 triệu đồng. Do lợi ích kinh tế của dự án này đối với người dân quá thấp nên dự án đã thất bại, không được tiếp tục thực hiện. Một dự án trồng rừng khác được triển khai ở đây vào các năm 1999 - 2001 do chương trình lương thực thế giới (PAM) tài trợ đã cung cấp giống cây mỡ và phân bón cho người dân. Đến thời kỳ thu hoạch, người dân có toàn quyền sử dụng sản phẩm rừng mà họ đã bỏ công chăm bón. Với giá bán 300.000 - 400.000 đồng/m³ gỗ, cây mỡ đã mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho các hộ gia đình⁶.

Tri thức dân gian cũng mang lại thu nhập bằng tiền mặt cho đội ngũ những người hành nghề y. Hầu hết người Dao đều có kiến thức chung về một số dược liệu đơn giản, tuy nhiên, số người có hiểu biết sâu về dược liệu và sử dụng dược liệu trong điều trị các loại bệnh lại không nhiều. Thông thường, mỗi làng người Dao có khoảng 3 - 5 thầy lang. Thầy thuốc người Dao có thể chữa được nhiều loại bệnh, mỗi người lại có một số bài thuốc nổi tiếng, nhưng nhìn chung, hầu hết thầy thuốc có kiến thức sâu trong việc điều trị các loại bệnh liên quan đến gan, dạ dày và việc sinh đẻ của phụ nữ. Một số bài thuốc của người Dao đã trở nên nổi tiếng, đặc biệt là bài thuốc tắm, mang lại danh tiếng và thu nhập cho các thầy thuốc. Do phần lớn người Dao đều biết về các dược liệu cơ bản nên các thầy thuốc người Dao không có nhiều bệnh nhân người địa phương, mà họ chủ yếu chữa trị cho những người ở các địa bàn khác tìm đến họ qua lời giới thiệu của những người khác. Nguồn thuốc được sử dụng trong chữa bệnh được lấy từ các núi xung quanh nơi ở của các thầy lang. Trước đây, mỗi khi có người bệnh, tùy theo bệnh tình của họ mà thầy thuốc mới lên núi tìm thuốc. Các thầy thuốc cũng tuân thủ những kiêng kỵ và các thời điểm đi lấy thuốc khác nhau dựa trên kinh nghiệm của họ về các loại cây thuốc và hiệu quả của thuốc sao cho các dược liệu được thu hái hiệu nghiệm nhất. Ví dụ, không nên đi lấy thuốc sớm quá, khi sương trên cây nhiều làm loãng các vị thuốc; hoặc đối với những loại thuốc là thân và lá cây, người đi hái thuốc không nên đi lấy thuốc vào buổi trưa, khi nắng quá làm nước trong cây dồn xuống phần rễ, khiến cho dược liệu ở phần thân và lá bị giảm sút. Hơn nữa, địa bàn thu hái cây

⁵ Tư liệu điền dã của cộng tác viên Nguyễn Thâm Thu Hà tại các cộng đồng Dao ở Tuyên Quang năm 2013.

⁶ Tư liệu điền dã của cộng tác viên Đào Phương Anh tại các cộng đồng Dao ở huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn năm 2013.

thuốc chủ yếu là trên núi cao, thời điểm giữa trưa khiến các thầy thuốc mệt mỏi, có thể gặp tai nạn trong khi tìm kiếm thuốc. Hiện nay, do các cây thuốc ở xung quanh núi đã ít đi, thêm vào đó, các thầy thuốc không chỉ còn ngồi đợi bệnh nhân đến nhà mà đã đi bán thuốc tại các chợ phiên trong vùng, nên họ đã thu hái các loại dược liệu mỗi khi có thời gian và làm khô chúng để dùng dần và thuận tiện cho việc bán thuốc. Đối với những vị thuốc quý nhưng khó tìm, họ có ý thức gây trồng chúng ở vườn nhà, vườn rừng của gia đình. Đây là một cách thức để duy trì nguồn lợi tự nhiên, đồng thời cũng là duy trì trí thức dân gian của tộc người. Các thầy thuốc người Dao thường đặt tiêu chí trị bệnh cứu người và làm phúc lên trên tiêu chí lợi nhuận nên không đòi hỏi nhiều chi phí từ việc khám, chữa bệnh. Chi phí cho việc chữa bệnh thường do sự tự nguyện của bệnh nhân, bao gồm một lễ vật nhỏ cúng ma thầy thuốc trước khi chữa bệnh để cầu việc chữa bệnh thành công, một lễ vật cúng tạ ơn ma thầy thuốc sau khi khỏi bệnh và phần tiền tạ ơn thầy thuốc. Do đó, thu nhập từ việc bán thuốc và chữa bệnh của các thầy thuốc người Dao thường không cao, chỉ khoảng 300.000 - 500.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, cá biệt, ở người Dao Thanh Y, thu nhập của thầy thuốc có thể lên đến 2 - 3 triệu đồng/tháng. Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt trong thu nhập ở các thầy thuốc tại các nhóm Dao không phải do sự khác biệt về kiến thức của họ mà là do địa bàn cư trú. Nhóm Dao Thanh Y ở vùng thấp hơn so với các nhóm Dao Đỏ và Dao Tiền, lại thêm giao thông đi lại thuận lợi khiến cho họ có nhiều bệnh nhân hơn.

Mặc dù phần lớn hộ gia đình người Dao ở các địa bàn nghiên cứu đã được giao

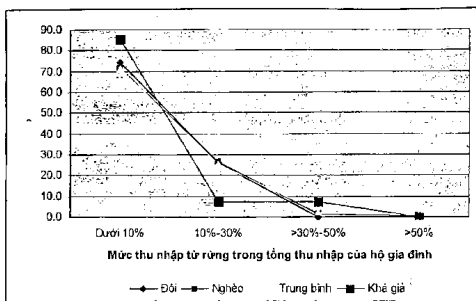
rừng với diện tích khá lớn và một số hộ gia đình đã có nguồn thu đáng kể từ rừng như đã đề cập ở trên, nhưng nhìn tổng thể thì thu nhập từ rừng được giao còn khá thấp, chưa tương xứng với tiềm năng kinh tế của nguồn tài nguyên này. 72,1% số hộ gia đình được hỏi cho biết thu nhập từ rừng chỉ chiếm dưới 10% tổng thu nhập của hộ; có 25,5% hộ gia đình có thu nhập từ rừng chiếm trên 10% đến 30%; và 2,4% hộ gia đình có thu nhập từ rừng chiếm trên 30% tổng thu nhập của hộ gia đình. Trong đó, nhóm Dao Thanh Y có thu nhập từ rừng cao hơn so với nhóm Dao Tiền và Dao Đỏ. Xét theo mức sống hộ gia đình, nhóm hộ khá giả dựa vào rừng ít hơn so với các nhóm mức sống còn lại (xem Sơ đồ 3).

Thu nhập từ rừng chưa đạt được hiệu quả như mong đợi là do sự khai thác tự nhiên của người Dao còn kém bền vững, nặng về khai thác hơn là bảo tồn dẫn đến suy giảm tài nguyên, thu nhập từ rừng cũng vì vậy mà giảm theo. Ở rừng trồng, đa số người dân mới trồng cây lấy gỗ thông thường, thời gian trồng kéo dài mà hiệu quả thu nhập không cao và ổn định như thu nhập từ nông nghiệp. Chính vì vậy, các hộ gia đình có tiềm lực kinh tế khá không đầu tư nhiều vào rừng như họ đã đầu tư cho nông nghiệp.

4. Một vài nhận xét

Hiện nay, mặc dù đời sống người Dao đã được cải thiện hơn trước nhưng do nhiều nguyên nhân, tỷ lệ đói nghèo ở cả ba nhóm Dao vẫn cao so với mặt bằng chung trong khu vực. Để cải thiện kinh tế hộ và đảm bảo an ninh lương thực cho hộ gia đình, người Dao đã vận dụng các kinh nghiệm, kiến thức dân gian của họ trong quá trình sản xuất và

Sơ đồ 3. Mức thu nhập từ rừng trong tổng thu nhập của hộ gia đình chia theo mức sống



Nguồn: Kết quả điều tra thực địa năm 2013-2014.

sinh hoạt như nâng cao nguồn thu nhập từ nông nghiệp như là thu nhập chính của hộ gia đình và tìm kiếm nguồn thu nhập phụ từ khai thác các sản phẩm trong tự nhiên, đặc biệt là các sản phẩm rừng (gỗ và các sản phẩm phi gỗ). Rõ ràng, nhiều tri thức dân gian của người Dao vẫn còn giá trị cho đến ngày nay, góp phần quan trọng trong cải thiện kinh tế hộ và xóa đói giảm nghèo ở địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình sinh tồn và phát triển của các cộng đồng Dao, đã xuất hiện một số yếu tố gây nên sự cạn kiệt nguồn tài nguyên và tác động tiêu cực đến kinh tế hộ gia đình.

Trong phát triển kinh tế hộ gia đình và xóa đói giảm nghèo ở người Dao, chính quyền địa phương cần tổ chức và thực hiện tốt các chương trình, chính sách của Đảng và Nhà nước dành cho vùng miền núi và vùng

dân tộc thiểu số. Trong đó, chú trọng thu hút sự tham gia của cộng đồng người dân trong quá trình lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá các chương trình, dự án được thực hiện tại cộng đồng. Đồng thời, cần khuyến khích người dân kết hợp giữa kỹ thuật hiện đại và tri thức dân gian để đạt hiệu quả cao trong sản xuất cũng như khai thác và sử dụng tài nguyên hướng đến bảo tồn và phát triển bền vững. Kèm theo đó, cần có các giải pháp hỗ trợ người dân bảo tồn và phát huy các lợi ích kinh tế của tri thức tộc người như phát triển các loại cây lấy gỗ có giá trị kinh tế cao, xây dựng các vườn được liệu trên diện tích đất rừng và vườn nhà được giao cho các hộ gia đình; quảng bá và có chính sách bảo hộ đối với các bài thuốc quý của người Dao.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Hồng Hạnh (2005), “Tri thức địa phương - sự tiếp cận lý thuyết”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 29-33.

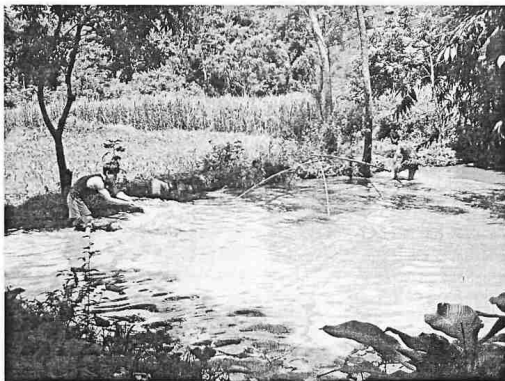
2. Trần Hồng Hạnh (2006), *Local Knowledge and Food Security Among Red Yao Ethnic Group in Vietnam (A case study in Sa Pa district, Lao Cai province, Vietnam)*, Luận án tiến sĩ, Đại học FU Berlin, Berlin.

3. Trần Hồng Hạnh (2009), *Local Knowledge and Food Security. Among Red Yao Ethnic Group in Vietnam (A case study in Sa Pa district, Lao Cai province,*

Vietnam), Spektrum 95, Berlin Series on Society, Economy and Politics in Developing countries, The Deutsche Nationalbibliothek, LIT Verlag, Berlin.

4. Hoàng Xuân Tý, Lê Trọng Cúc và nnk (1998), *Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*, Nxb Nông nghiệp Hà Nội.

5. Kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2013 ban hành theo Quyết định số 529/QĐ-LĐTBXH ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Có thể xem tại trang web: http://ubdt.gov.vn/wps/wcm/uploads/DuthaoV/BPL/quyet_dinh529_bldtbxh.pdf.



Đánh bắt cá của người Dao Đỏ ở thôn Tăng, xã Phúc Sơn,
huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang